CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tập đoàn MGROUP

Ngày 31/03/2025	4,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**25.0%**	**12.5%**

DT thuần
Q1/25
0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.05| -100%
YoY: ▼0.15| -100%

LN thuần
Q1/25
-3.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.05| 1.5%
YoY: ▲ 0.11| 3.1%

LN sau thuế
Q1/25
-1.68
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.92| 35.5%
YoY: ▲ 1.99| 54.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25

ROE (TTM)
Q1/25
-8.0%
YoY: +/-▲ 0.9%

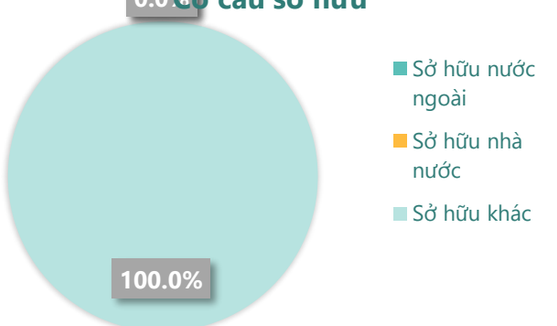
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,900 - 6,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	90
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	545
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	2.52
EPS	-690
P/E	-6.5

DT thuần
2024
1.88
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.75| -78.3%

LN thuần
2024
-16.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.10| 6.2%

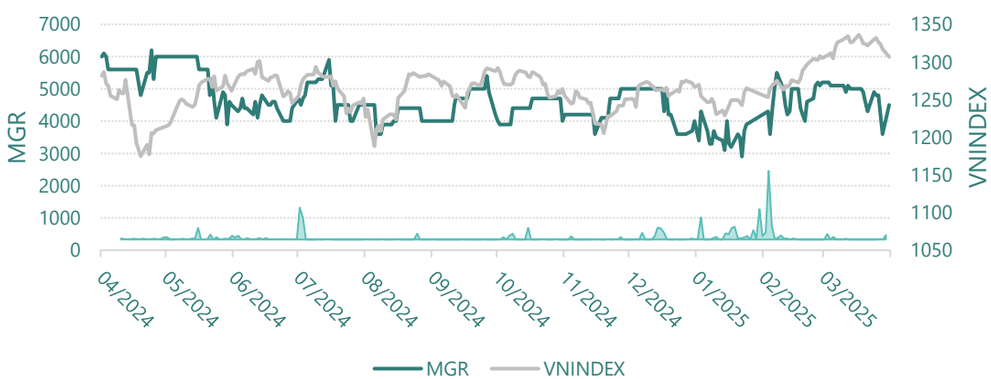
LN sau thuế
2024
-17.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.70| -4.0%

Cơ cấu sở hữu

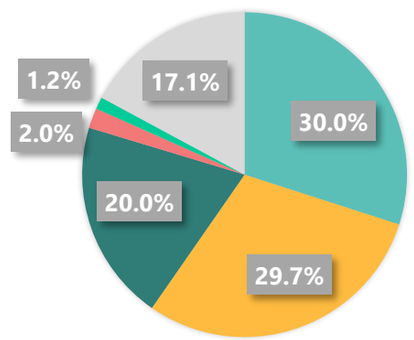


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

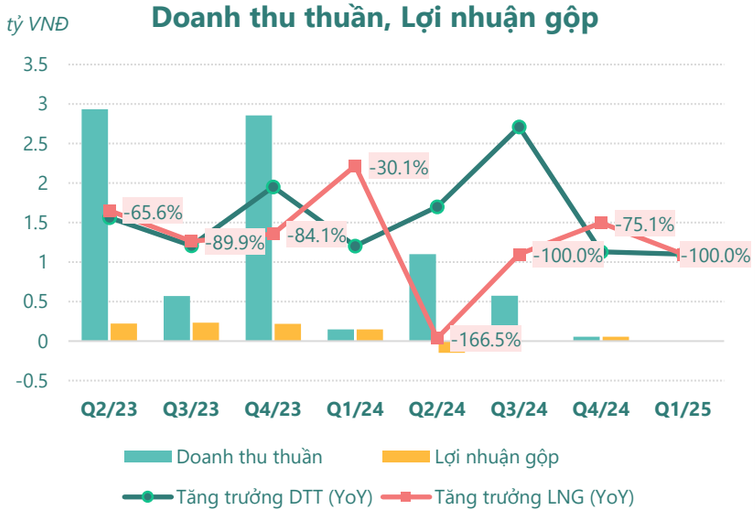


- Mai Nam Chương (Tổng giám đốc)
- Mai Đức Hùng (Chủ tịch HĐQT)
- Mai Đức Tú
- Lê Tư (Thành viên HĐQT)
- Nguyễn Quốc Hoàn (Thành viên HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

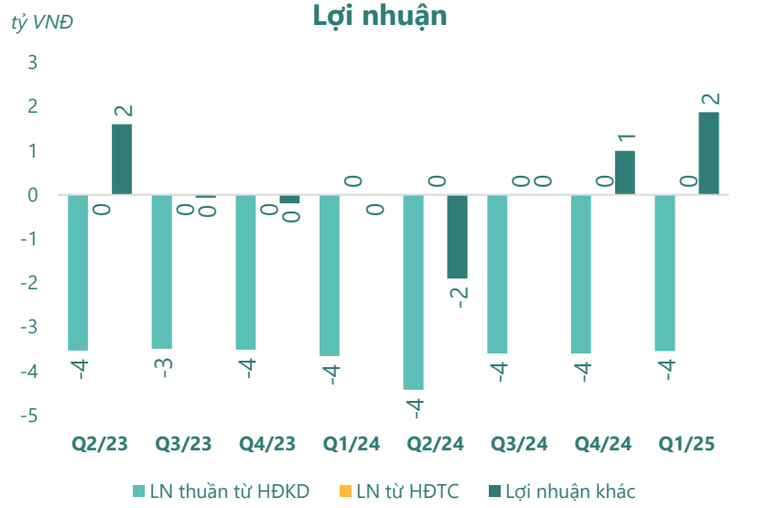
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



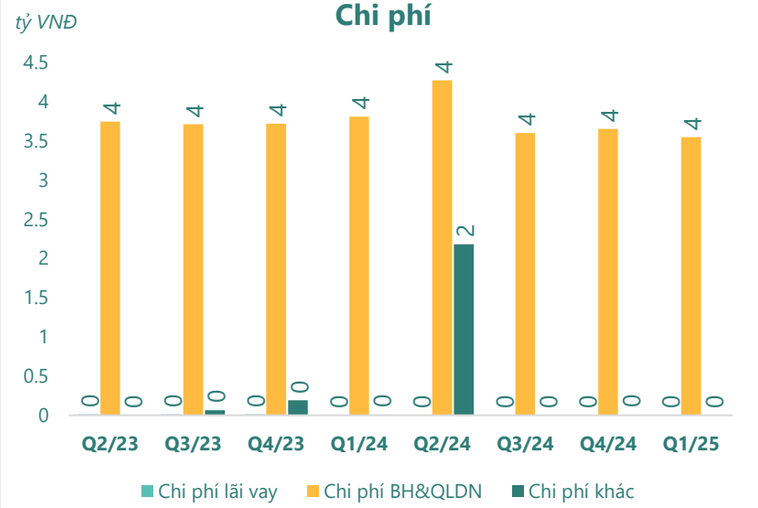
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



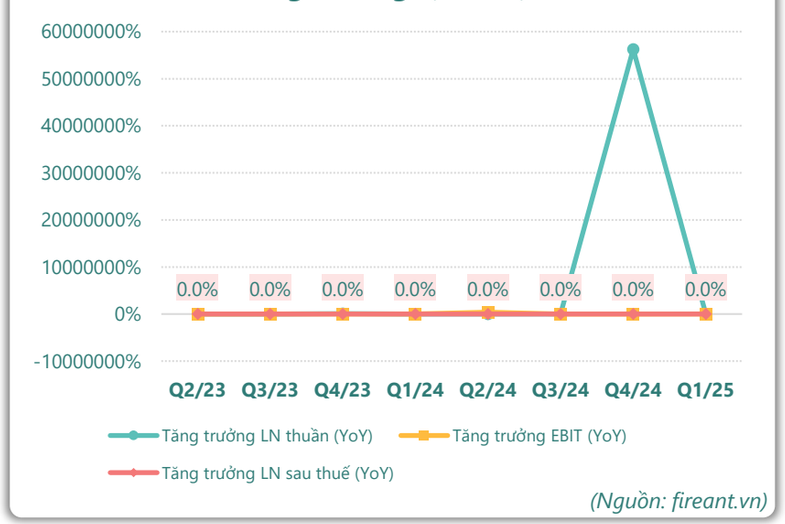
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



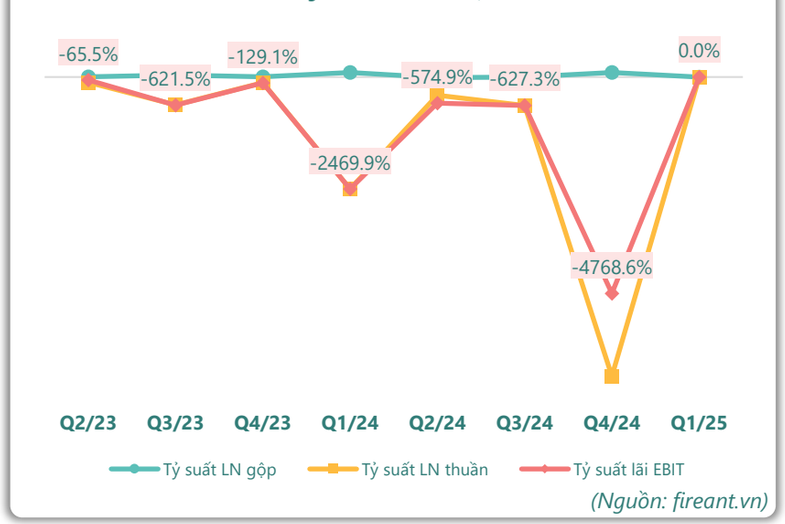
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



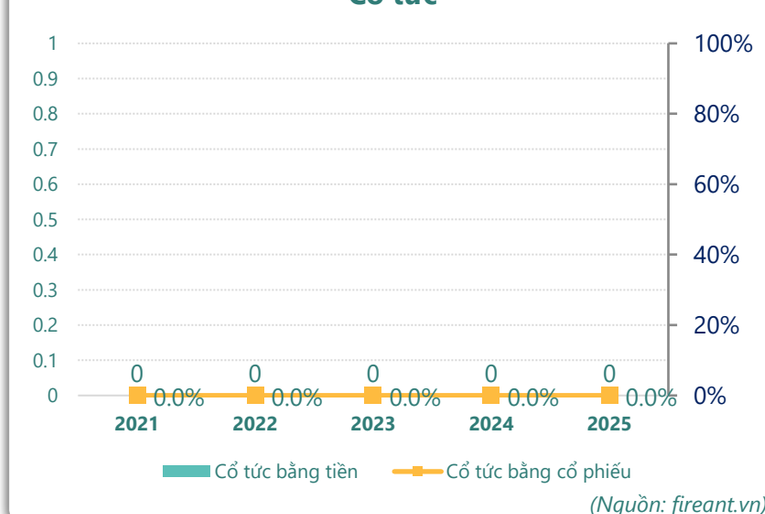
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

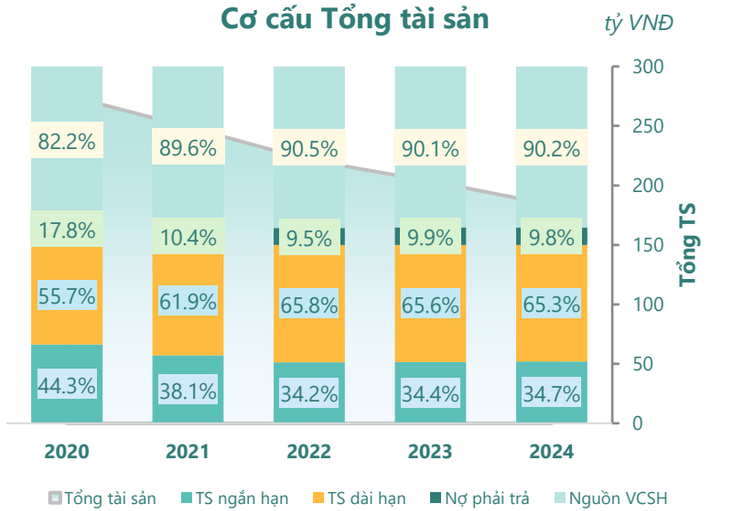
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

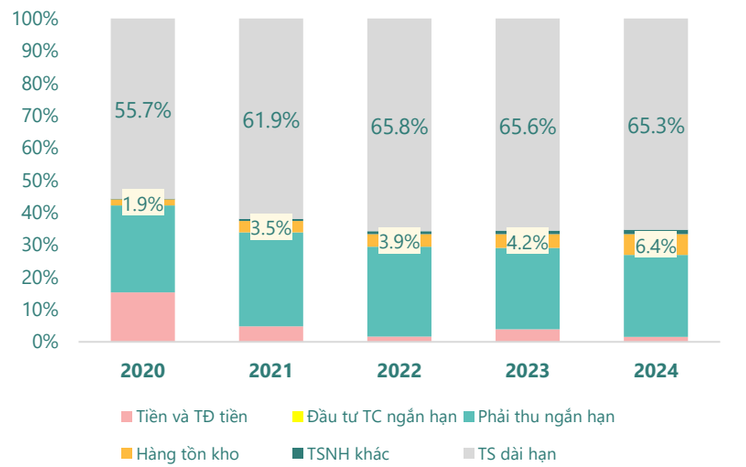
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



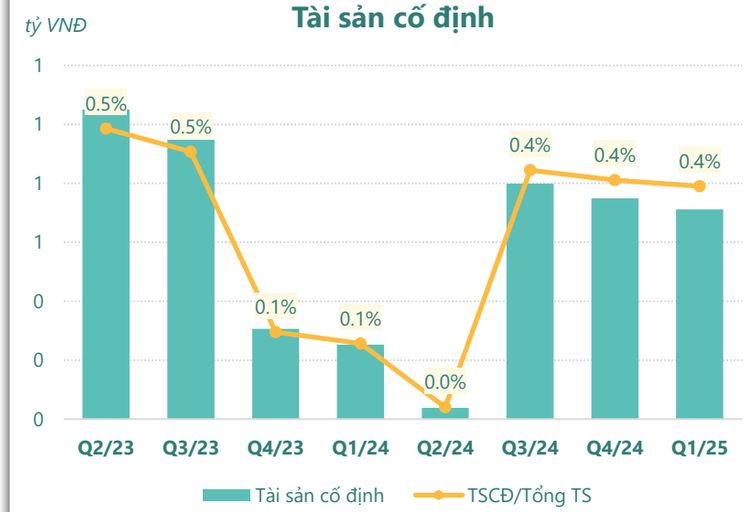
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



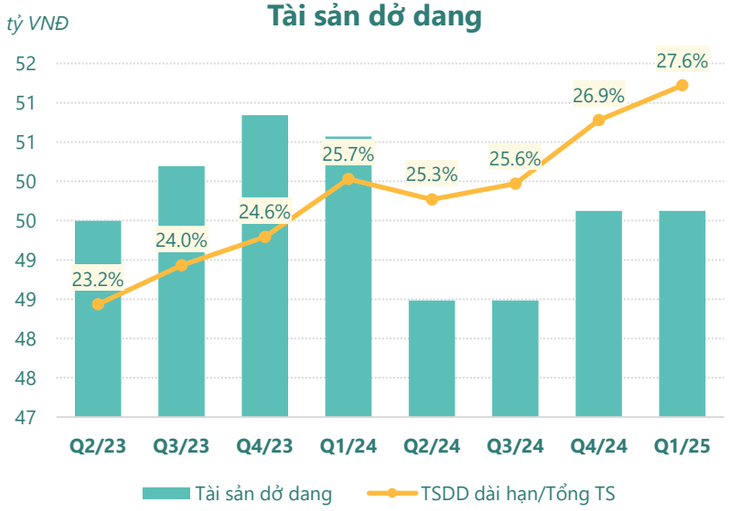
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



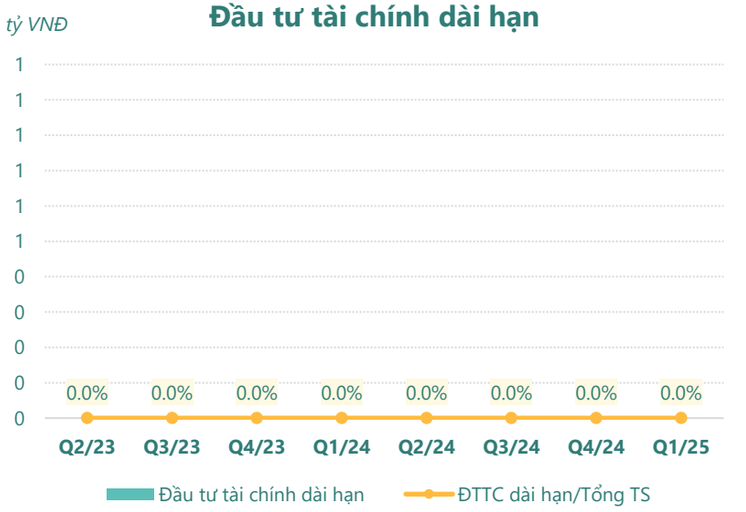
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



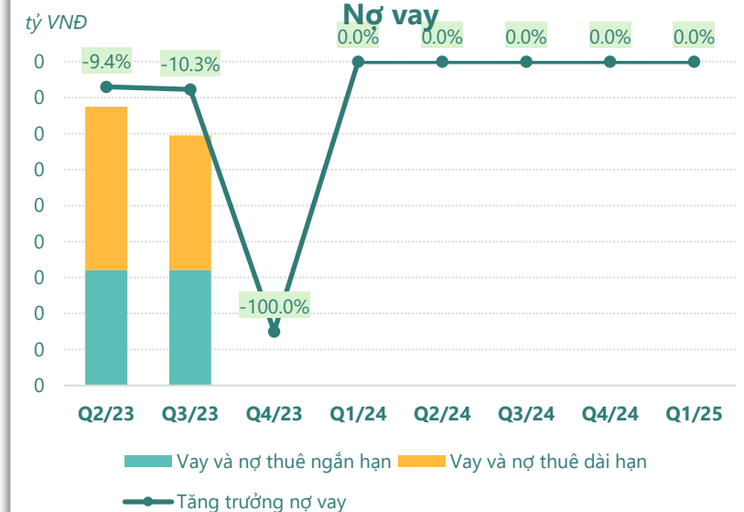
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

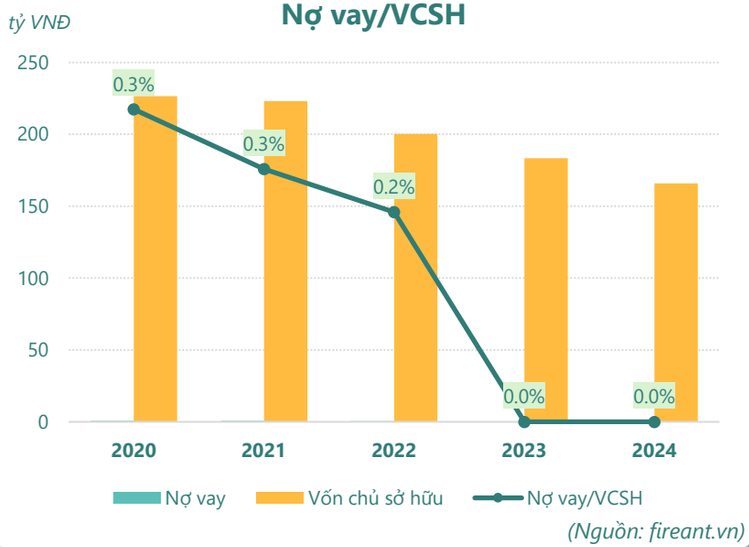
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

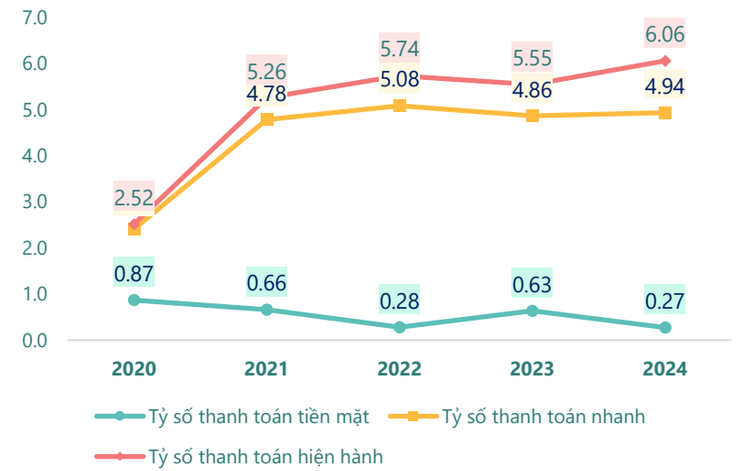
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



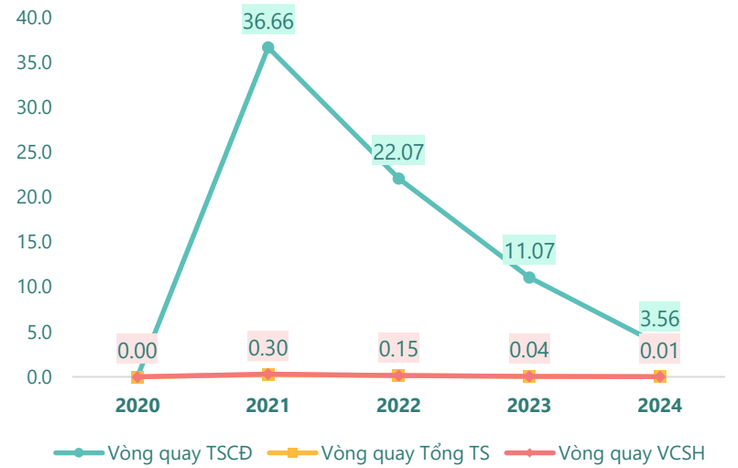
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



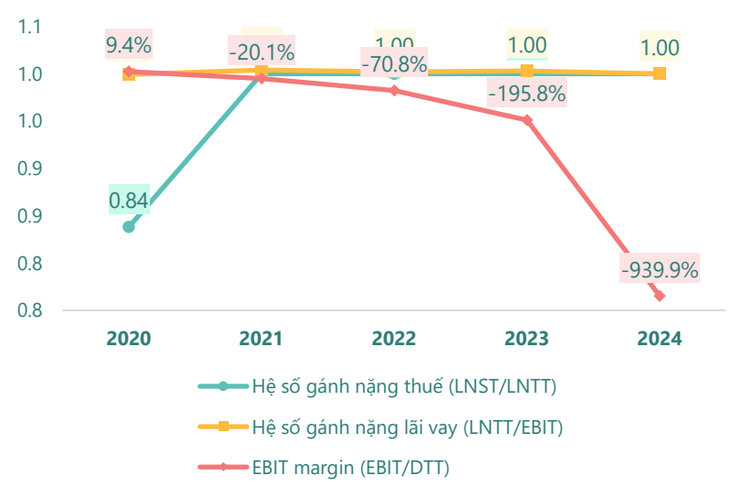
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



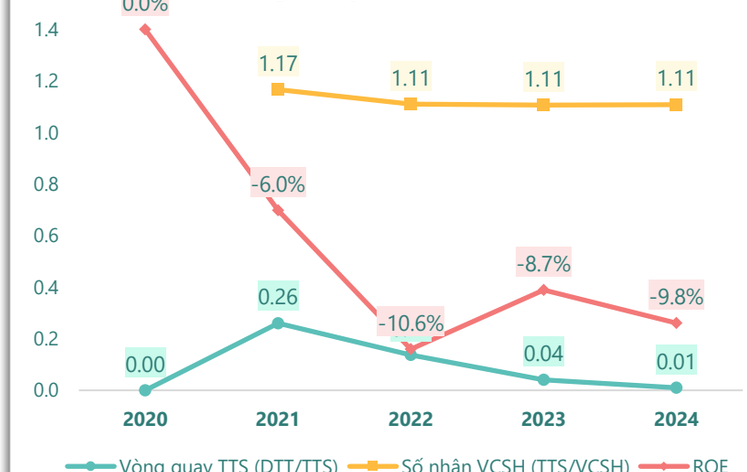
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



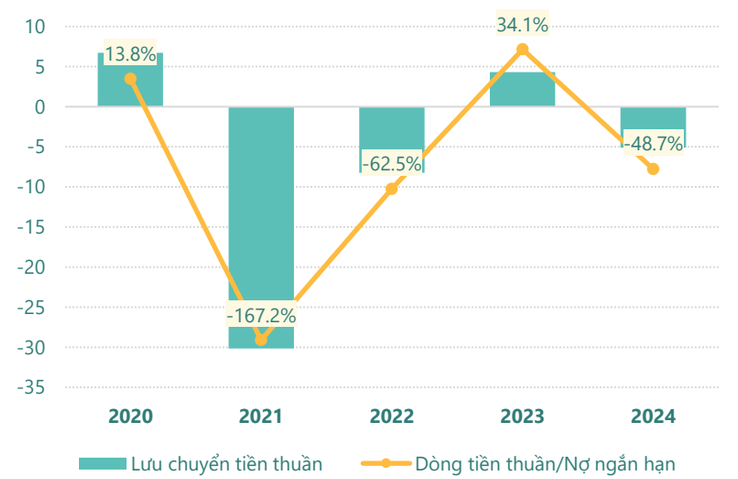
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0**	**0.15**	**-100%**	**1.88**	**8.63**	**-78.3%**
Giá vốn hàng bán	0	0.00		1.82	7.75	-76.5%
Lợi nhuận gộp	0	0.15	-100%	0.05	0.88	-93.8%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.01	-37.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0.05	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.05	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0.37	-100%
Chi phí QLDN	**3.55**	**3.81**	**-6.9%**	**16.8**	**18.3**	**-8.3%**
LN thuần từ HĐKD	-3.55	-3.66	3.1%	-16.7	-17.8	6.2%
Lợi nhuận khác	**1.87**	**-0.01**	**18800%**	**-0.91**	**0.88**	**-203%**
LN trước thuế	-1.68	-3.67	54.3%	-17.6	-16.9	-4.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.68**	**-3.67**	**54.3%**	**-17.6**	**-16.9**	**-4.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.60**	**-3.58**	**55.4%**	**-17.0**	**-16.6**	**-2.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.46	-3.62	-0.57	0.52	-1.11	-0.77
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.37	0.00	0.46	-0.80	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.35	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	3.13	8.00	4.38	4.26	3.98	2.88
Lưu chuyển tiền thuần	**3.48**	**-3.62**	**-0.12**	**-0.28**	**-1.10**	**-0.77**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.61	4.38	4.26	3.98	2.88	2.10

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**180**	**184**	**-2.0%**
Tài sản ngắn hạn	62.9	63.8	-1.4%
Tiền và tương đương tiền	2.10	2.88	-26.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	46.4	46.6	-0.4%
Hàng tồn kho	11.8	11.8	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.57	2.50	2.7%
Tài sản dài hạn	**117**	**120**	**-2.4%**
Phải thu dài hạn	3.65	3.65	0.0%
Tài sản cố định	0.71	0.75	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	49.6	49.6	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	63.1	66.0	-4.3%
Nợ phải trả	15.9	18.0	-11.5%
Nợ ngắn hạn	**8.45**	**10.5**	**-19.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.57	3.71	-57.8%
Nợ dài hạn	7.44	7.44	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**164**	**166**	**-1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**164**	**166**	**-1.0%**
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)